**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ I - LỚP 11**

**NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: NGỮ VĂN**

**A. CÁC CẤP ĐỘ KIẾN THỨC**

**1. TRUYỆN NGĂN VÀ TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI**

**Nhận biết:**

- Nhận biết được đề tài, câu chuyện, sự kiện, chi tiết tiêu biểu, không gian, thời gian, nhân vật trong truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại.

- Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất), lời người kể chuyện, lời nhân vật trong truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại.

- Nhận biết được điểm nhìn, sự thay đổi điểm nhìn; sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật.

- Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại.

**Thông hiểu:**

- Tóm tắt được cốt truyện của truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại.

- Phân tích, lí giải được mối quan hệ của các sự việc, chi tiết trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Phân tích được đặc điểm, vị trí, vai trò của của nhân vật trong truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại; lí giải được ý nghĩa của nhân vật.

- Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản nhiều chủ đề) của tác phẩm.

- Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả thể hiện trong văn bản.

- Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của tác phẩm.

**Vận dụng**:

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm, cách nhìn của cá nhân với văn học và cuộc sống.

- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản.

**Vận dụng cao**:

- Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.

- So sánh được hai văn bản văn học cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm.

**2. THƠ**

**Nhận biết:**

- Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trữ tình trong bài thơ.

- Nhận biết được cấu tứ, vần, nhịp, những dấu hiệu thể loại của bài thơ.

- Nhận biết được yếu tố tượng trưng (nếu có) trong bài thơ.

- Nhận biết được những biểu hiện của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ.

- Nhận biết đặc điểm của ngôn từ nghệ thuật trong thơ.

**Thông hiểu:**

- Hiểu và lí giải được ý nghĩa giá trị thẩm mĩ của ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ.

- Phân tích, lí giải được vai trò của yếu tố tượng trưng trong bài thơ (nếu có).

- Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ.

- Lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.

- Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của bài thơ.

- Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong bài thơ.

**Vận dụng:**

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân về những vấn đề văn học hoặc cuộc sống.

- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ bài thơ.

**Vận dụng cao**:

- Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ.

- Đánh giá được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tương trưng (nếu có) trong bài thơ.

- So sánh được hai văn bản thơ cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau.

- Mở rộng liên tưởng về vấn đề đặt ra trong bài thơ để hiểu sâu hơn bài thơ.

**Tham khảo tác dụng/hiệu quả một số BPTT**

**\* Biện pháp tu từ từ vựng**

**- So sánh:** Giúp sự vật, sự việc được miêu tả sinh động, cụ thể tác động đến trí tưởng tượng, gợi hình dung và cảm xúc

**-Ẩn dụ:** Cách diễn đạt mang tính hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao, gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc.

**-Nhân hóa:** Làm cho đối tượng hiện ra sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn gần với con người

**-Hoán dụ:** Diễn tả sinh động nội dung thông báo và gợi những liên tưởng ý vị, sâu sắc

**-Điệp từ/ngữ/cấu trúc:** Nhấn mạnh, tô đậm ấn tượng – tăng giá trị biểu cảm, tạo âm hưởng nhịp điệu cho câu văn, câu thơ.

**-Nói giảm:** Làm giảm nhẹ đi ý muốn nói (đau thương, mất mát) nhằm thể hiện sự trân trọng

**-Thậm xưng:** Tô đậm, phóng đại về đối tượng.

**-Câu hỏi tu từ:** Bộc lộ, xoáy sâu cảm xúc (có thể là những băn khoăn, ý khẳng định…)

**-Đối** : Tạo sự cân đối, đăng đối hài hòa cho sự diễn đạt, nhằm thể hiện ý nghĩa nào đó.

**-Đảo ngữ:** Nhấn mạnh, gây ấn tượng sâu đậm về phần được đảo lên.

**\* Biệp pháp tu từ cú pháp:**

- Phép lặp cú pháp:Lặp cú pháp là tạo ra những câu hoặc những đoạn câu có chung một kiểu cấu tạo cú pháp, làm cho câu văn có tính chất cân đối, với dụng ý tác động về nhận thức hoặc về tình cảm.

- Phép liệt kê: Liệt kê là cách sắp xếp nối tiếp những đơn vị cú pháp đồng loại (nhưng khác nhau về từ ngữ) nhằm tạo ra những ý nghĩa bổ sung về mặt nhận thức hoặc thể hiện cách đánh giá, cảm xúc chủ quan về các sự vật được đưa ra.

- Phép chêm xen: Chêm xen là cách đưa thêm từ ngữ (có khi là một tổ hợp từ có dạng một câu trọn vẹn) vào câu, nhưng không thiết lập quan hệ ngữ pháp với phần câu chứa chúng, nhằm chi tiết hóa sự việc, làm cho lời văn linh hoạt, nêu nhận xét của người thuật chuyện, bổ sung những tin mang những mục đích rất khác nhau.

**3. BI KỊCH**

**Nhận biết:**

- Nhận biết được đề tài, cốt truyện, nhân vật, hệ thống nhân vật trong bi kịch.

- Nhận biết được mâu thuẫn, xung đột kịch trong bi kịch.

- Nhận biết lời thoại, lời chỉ dẫn sân khấu và hành động của nhân vật bi kịch.

- Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong bi kịch.

**Thông hiểu:**

- Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của các yếu tố như cốt truyện, xung đột (xung đột bên trong và xung đột bên ngoài), ngôn ngữ, hành động kịch và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Phân tích, đánh giá được đặc điểm, ý nghĩa của nhân vật bi kịch; phân tích, đánh giá được mối quan hệ giữa các nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nêu và lí giải được chủ đề; yếu tố “bi”, hiệu ứng thanh lọc của bi kịch.

- Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả trong văn bản; phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của vở kịch.

**Vận dụng**:

- Nêu được tác động của hiệu ứng thanh lọc trong bi kịch với bản thân.

- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong vở kịch.

**Vận dụng cao**:

- Đánh giá được tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn của bản thân về văn học, cuộc sống.

- Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.

- So sánh được hai văn bản văn học kịch có cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau.

**4. VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**Nhận biết:**

- Xác định được vấn đề nghị luận của văn bản.

- Xác định được các luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, độc đáo được trình bày trong văn bản.

- Nhận biết các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản.

**Thông hiểu:**

- Xác định được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; thông điệp, tư tưởng của văn bản.

- Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản.

- Lý giải được cách đặt nhan đề; sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản.

- Phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận.

**Vận dụng:**

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn cá nhân về vấn đề nghị luận.

- Trình bày được quan điểm đồng tình hay không đồng tình với quan niệm của tác giả, nội dung chính của văn bản.

**Vận dụng cao:**

Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để đánh giá ý nghĩa, giá trị của văn bản.

**II/ KĨ NĂNG**

**II.1/ KĨ NĂNG LÀM ĐỌC HIỂU**

1/ Nhận diện được các cấp độ kiến thức: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng thấp theo các chủ đề có ở phần I.

2/ Trả lời ngắn gọn, trọng tâm các câu hỏi tự luận (câu 1 đến câu 8)

**II.2/ KĨ NĂNG TẠO LẬP VĂN BẢN**

1. **Đánh giá phân tích một tác phẩm truyện**
	1. **Yêu cầu:**

Xác định rõ yêu cầu nghị luận mà đề văn đã nêu:

- Đọc lại văn bản truyện được nêu trong đề.

- Xác định vấn đề cụ thể (nội dung, hình thức) mà bài viết sẽ phân tích, đánh giá

- Suy nghĩ và thực hiện theo các bước viết bài văn nghị luận văn học.

 **1.2 Cấu trúc**

 ***Mở bài:*** giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, thể loại, vấn đề tâm đắc để viết bài nghị luận.

***Thân bài:***

* Tóm tắt, nêu ngắn gọn câu chuyện, cốt truyện.
* Tập trung phân tích hoặc trình bày suy nghĩ về những điểm chính trên phương diện nội dung, nghệ thuật: tình huống truyện, điểm nhìn, lời kể, giọng điệu, ngôn ngữ, cách khám phá nhân vật…

\***Lưu ý**: nên viết đúng trọng tâm, ngắn gọn, súc tích và lựa chọn câu chữ phù hợp. Có thể kết hợp các kiểu liên kết văn bản, biện pháp tu từ để giúp bài nghị luận được điểm cao.

***Kết bài*:** Nêu ra quan điểm và ý nghĩa tác phẩm, những bài học hay giá trị mà tác phẩm mang lại cho người đọc.

1. **Đánh giá phân tích một tác phẩm thơ**

 **2.1. Yêu cầu:**

- Viết bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ là nêu lên và làm rõ ý kiến của người viết về cấu tứ, hình ảnh thơ

- Phân tích là chỉ ra và làm rõ từng phương diện cụ thể hoặc đi sâu tìm hiểu từng vấn đề, khía cạnh của tác phẩm thơ,

- Đánh giá là nêu nhận xét của người viết về những điều đã được phân tích. Khi đánh giá, có thể nêu cả các hạn chế cũng như những điều tâm đắc, những phát hiện riêng của bản thân về tác phẩm thơ, Phân tích và đánh giá thường kết hợp với nhau,...

 **2.2. Cấu trúc**

*- Mở bài*: Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ, tác giả, điều mình ấn tượng tâm đắc: cấu tứ, hình ảnh…

*- Thân bài*:

+ Mạch ý tưởng cảm xúc, sự phát triển của các hình tượng chính, nét hấp dẫn riêng của bài thơ

+ Đặc sắc cấu tứ: cách triển khai tứ thơ, kết câu…

+ Hình ảnh thơ, tính tượng trưng….

*- Kết bài*: Khẳng định giá trị tư tưởng và thẩm mĩ của bài thơ, những suy nghĩ ấn tượng của người viết.

**3. Văn bản nghị luận**

 **3. 1. Yêu cầu**

- Nêu được vấn đề giàu ý nghĩa, gợi mở cách nhìn nhận sâu hơn về mối quan hệ giữa con người với cuộc sống xung quanh.

- Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết về vấn đề, thông qua hệ thống luận điểm chặt chẽ, các lý lẽ sắc bén và những bằng chứng phù hợp, sinh động

- Dẫn được những ý kiến trái chiều về vấn đề, Thông qua hệ thống luận điểm chặt chẽ, các lý lẽ sắc bén và bằng chứng phù hợp, sinh động. Dẫn được những ý kiến trái chiều có thể có vì vấn đề được bàn luận để phản bác nhầm cùng cố lực lượng bài viết

- Rút ra được ý nghĩa của việc nhận thức đúng về vấn đề

 **3.2. Cấu trúc**

*- Mở bài*: Giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận. Có thể nêu vấn đề thông qua

một câu chuyện, một tình huống đời sống, một câu hỏi nhận thức,…

*- Thân bài*: Dùng lí lẽ và bằng chứng để:

+ Trình bày bản chất của vấn đề đời sống được bàn luận và nêu quan điểm của người viết.

+ Xem xét vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau, bàn về các khía cạnh của vấn đề.

+ Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều.

+ Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn về vấn đề đối với cá nhân

 hoặc cộng đồng.

*- Kết bài*: Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi mở suy nghĩ, định hướng hành động,…).

**B. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA: 100% tự luận**

**I/ ĐỌC-HIỂU (6,0 điểm)**

**Ngữ liệu**

 - Các văn bản/ đoạn trích thuộc thể loại truyện (truyện ngắn), thơ trữ tình (thơ mới), Bi kịch.

**Các cấp độ kiến thức**

* Nhận biết: Câu 1-3 (1,5 điểm)
* Hiểu: Câu 4-6 (3,0 điểm)
* Vận dụng: Câu 7 (1,0 điểm)
* Vận dụng cao: Câu 8 (0,5 điểm)

**II. VIẾT-TẠO LẬP VĂN BẢN (4,0 điểm)**

 - Viết một bài luận (khoảng 500-800 chữ) phân tích, đánh giá tác phẩm truyện (nghệ thuật kể chuyện).

 - Viết bài văn nghị luận (khoảng 500) về một vấn đề xã hội:

 + Con người và cuộc sống quanh ta.

 + Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại.

 ------------------Hết-----------------